

139. KINH VÔ TRÁNH PHÂN BIỆT (*Araṇavibhaṅga Sutta*)¹

323. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về Vô tránh phân biệt.² Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Chớ có hành trì dục lạc hạ liệt, đê tiện, phạm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích. Và cũng không nên hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích. Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Nên biết tán thán và nên biết chỉ trích. Sau khi biết tán thán và sau khi biết chỉ trích, không tán thán, không chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp. Nên biết phán xét về lạc. Sau khi biết phán xét về lạc, nên chú tâm vào nội lạc. Không nên nói lên lời bí mật. Mặt đối mặt [với ai], không nên nói lời mất lòng.³ Nên nói thật từ từ, không có vội vàng. Chớ có chấp trước địa phương ngữ,⁴ chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng. Như vậy là tổng thuyết về Vô tránh phân biệt.

324. Khi được nói đến: “Chớ có hành trì dục lạc hạ liệt, đê tiện, phạm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích. Và cũng không nên hành trì

¹ Xem *M.* I. 83, 91; III. 109. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Câu-lâu-sâu vô tránh kinh* 拘樓瘦無諍經 (*T.01. 0026.169. 0701b22*).

² *Araṇa* có thể dịch là hòa bình và *sarāṇa* là có tranh chấp. Cũng có thể dịch là phiền não. Xem *MA.* V. 32; *SA.* I. 101; *AA.* I. 220.

³ *Khīṇa.* *MA.* V. 30 giải thích là *ākinṇa*, bị dao động, bực phiền, và *kiliṭṭha*, ô uế. Nghĩa là không nên nói lời có hại, làm phiền người khác và không nói lời không thích đáng.

⁴ Kinh Hán tạng dùng chữ “Tùy quốc tục pháp, mạc thị mạc phi”; 隨國俗法, 莫是莫非 (*T.01. 0026.169. 0703a02*).

tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích.” Do duyên gì được nói đến như vậy? Phàm lạc gì liên hệ với dục, đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy là có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Phàm lạc gì liên kết với dục, nhưng không đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo.

Phàm hành trì tự kỷ khổ hạnh nào, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Phàm không hành trì tự kỷ khổ hạnh nào, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Khi được nói đến: “Chớ có hành trì dục lạc hạ liệt, đê tiện, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, và cũng không nên hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích”, chính do duyên này, được nói đến như vậy.

325. Khi được nói đến: “Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn”, do duyên gì được nói đến như vậy? Đây là con đường Thánh tám ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Khi được nói đến: “Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn”, chính do duyên này, được nói đến như vậy.

326. Khi được nói đến: “Nên biết tán thán và nên biết chỉ trích. Sau khi biết tán thán và sau khi biết chỉ trích, không tán thán, không chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp.” Do duyên gì, được nói đến như vậy? Đây các Tỷ-kheo, thế nào là tán thán, thế nào là chỉ trích, nhưng không thuyết pháp? Vị ấy chỉ trích một số người và nói như sau: “Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục nhưng đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những người ấy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo.” Vị ấy tán thán một số người và nói như sau: “Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục nhưng không đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo.” Ở đây, vị ấy chỉ trích một số người và nói như sau: “Những ai đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy đều có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc về tà đạo.” Ở đây, vị ấy tán thán một số người và nói như sau: “Những ai không đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy đều không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo.” Ở đây, vị ấy chỉ

trích một số người và nói như sau: “Những ai chưa đoạn tận hữu kiết sử,⁵ tất cả những vị ấy đều có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo.” Ở đây, vị ấy tán thán một số người và nói như sau: “Những ai đã đoạn tận hữu kiết sử,⁶ tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, là có tán thán, có chỉ trích, nhưng không thuyết pháp.

327. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không có tán thán và không có chỉ trích, nhưng có thuyết pháp? Vị ấy không nói như sau: “Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục, nhưng đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo.” Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: “SỰ đam mê là một pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo.” Vị ấy không nói: “Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục, nhưng không đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo.” Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: “Không đam mê là một pháp không đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo.” Vị ấy không nói: “Những ai đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo.” Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: “SỰ đam mê là một pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo.” Vị ấy không nói: “Những ai không đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, tất cả những vị ấy đều không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo.” Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: “SỰ không đam mê là không đau khổ, pháp này không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc về chánh đạo.” Vị ấy không nói: “Những ai chưa đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy đều có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não.” Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: “Khi hữu kiết sử chưa đoạn tận, hữu chưa đoạn tận.” Vị ấy không nói như sau: “Những ai đã đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não.” Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau: “Và khi hữu kiết sử được đoạn tận, hữu được đoạn tận.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không tán thán, không chỉ trích, nhưng chỉ thuyết pháp.

Khi được nói đến: “Nên biết tán thán và nên biết chỉ trích. Sau khi biết tán thán và sau khi biết chỉ trích, chớ có tán thán, chớ có chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp.” Chính do duyên này, được nói đến như vậy.

328. Khi được nói đến: “Nên biết phán xét về lạc. Sau khi biết phán xét về lạc, nên chú tâm vào nội lạc.” Do duyên gì, được nói đến như vậy? Này các

⁵ Ở đây chỉ cho ái (*tanhā*).

⁶ Ở đây là *vibhava*. Kinh chữ Hán dùng chữ hữu (*bhava*).

Tỷ-kheo, có năm dục trường dưỡng này. Thế nào là năm? Các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... (như trên)...; các hương do mũi nhận thức... (như trên)...; các vị do lưỡi nhận thức... (như trên)...; các xúc do thân cảm giác, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là năm dục trường dưỡng. Đây các Tỷ-kheo, do duyên năm dục trường dưỡng này khởi lên lạc và hỷ, như vậy gọi là dục lạc, uế lạc, phàm phu lạc, phi Thánh lạc. Ta nói loại lạc này không nên thực hành, không nên tu tập, không nên làm cho sung mãn, mà nên sợ hãi. Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm... Thiền thứ ba... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. Như vậy gọi là xuất ly lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, giác ngộ lạc. Ta nói loại lạc này nên thực hành, nên tu tập, nên làm cho sung mãn, không nên sợ hãi. Khi được nói đến: “Nên biết phán xét về lạc. Sau khi phán xét về lạc, hãy chú tâm vào nội lạc.” Do chính duyên này, được nói đến như vậy.

329. Khi được nói đến: “Không nên nói lên lời bí mật. Mặt đối mặt [với ai], không nên nói lời mất lòng.” Do duyên gì, được nói đến như vậy? Tại đây, này các Tỷ-kheo, biết được một lời bí mật là không thực, hư vọng, không liên hệ mục đích, nếu có thể được, chớ nói lên lời bí mật ấy. Và nếu biết được một lời bí mật là thực, không hư vọng, nhưng không liên hệ mục đích, hãy tập đừng nói lời ấy. Và nếu biết được một lời bí mật là thực, không hư vọng, có liên hệ mục đích, ở đây, nên biết thời nói lên lời bí mật ấy. Nếu biết một lời mất lòng, mặt đối mặt [với ai] là không thực, hư vọng, không liên hệ mục đích, nếu có thể được, mặt đối mặt, chớ nói lên lời nói mất lòng ấy. Nếu biết một lời mất lòng, mặt đối mặt [với ai] là thực, không hư vọng, nhưng không liên hệ mục đích, hãy tập chớ nói lên lời ấy. Và nếu biết một lời mất lòng, mặt đối mặt [với ai] là thực, không hư vọng, có liên hệ mục đích, ở đây nên biết thời nói lên lời mất lòng ấy. Khi được nói đến: “Không nên nói lên lời bí mật, mặt đối mặt [với ai], không nên nói lên lời mất lòng.” Do chính duyên này, được nói đến như vậy.

330. Khi được nói đến: “Nên nói thật từ từ, chớ có vội vàng.” Do duyên gì, được nói đến như vậy? Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu nói vội vàng, thời thân mệt mỏi, tâm bị tổn hại, tiếng bị tổn hại và cổ họng bị đau. Lời nói một người vội vàng không được rõ ràng và không được nhận hiểu. Tại đây, này các Tỷ-kheo, nói lời từ từ, thân không mệt mỏi, tâm không tổn hại, tiếng không tổn hại và cổ họng không bị đau. Lời nói một người nói từ từ được rõ ràng và được nhận hiểu. Khi được nói đến: “Nên nói thật từ từ, chớ có nói vội vàng.” Chính do duyên này, được nói đến như vậy.

331. Khi được nói đến: “Chớ có chấp trước địa phương ngữ, chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng.” Do duyên gì, được nói đến như vậy? Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chấp trước địa phương ngữ và đi quá xa ngôn ngữ thường

dùng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, trong nhiều quốc độ, người ta gọi *pātī* (cái đĩa) bằng những chữ *patta... vitta... sarāva... dhāropa... poṇa... pisīlava...* Như vậy, như họ biết trong các quốc độ ấy, những chữ là như vậy; như vậy, có người lại làm như vậy, kiên trì chấp thủ, chấp trước và nói: “Chỉ như vậy là sự thật, ngoài ra là hư vọng.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chấp trước địa phương ngữ, là đi quá xa ngôn ngữ thường dùng.

332. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không chấp trước địa phương ngữ, không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, trong nhiều quốc độ, người ta biết những chữ *pātī... patta... vitta... sarāva... dhāropa... poṇa... pisīlava...* Như vậy, như họ biết trong các quốc độ ấy, những chữ là như vậy; như vậy, một người không chấp thủ mà giải thích: “Các vị ấy y cứ như thế này, giải thích như vậy.” Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không chấp trước địa phương ngữ, không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng. Khi được nói đến: “Chớ có chấp trước địa phương ngữ, chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng.” Do chính duyên này, được nói đến như vậy.

333. Ở đây, này các Tỷ-kheo, phạm lạc gì liên hệ với dục, nhưng có đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phạm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích; pháp như vậy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm lạc gì liên kết với dục, nhưng không có đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phạm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích; pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

334. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích; pháp như vậy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm không có hành trì tự kỷ khổ hạnh, không đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích; pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

335. Tại đây, này các Tỷ-kheo, đây là Trung đạo đã được Thế Tôn giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Pháp này không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

336. Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp tán thán và chỉ trích nhưng không thuyết pháp này; pháp này có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có phiền não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp không tán thán, cũng không chỉ trích, chỉ có thuyết pháp; pháp này không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

337. Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp dục lạc này là uế lạc, phàm phu lạc, phi Thánh lạc; pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp xuất ly lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, pháp này là pháp không đau khổ, không phiền lao, không ưu não, không nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

338. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói bí mật nào không thật, hư vọng, không liên hệ mục đích, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói bí mật nào là chân thật, không hư vọng, không liên hệ mục đích, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói bí mật nào là chân thật, không hư vọng, có liên hệ mục đích, pháp này là pháp không đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

339. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói mát lòng nào, mặt đối mặt [với ai], không chân thật, hư vọng, không liên hệ mục đích, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói mát lòng nào, mặt đối mặt [với ai] là chân thật, không hư vọng, không liên hệ mục đích, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói mát lòng nào, mặt đối mặt [với ai] là chân thật, không hư vọng, liên hệ mục đích, pháp này là pháp không đau khổ... thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

340. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói nào được nói lên một cách vội vàng, pháp này có đau khổ... tà đạo... pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói nào được nói lên một cách từ từ, pháp này không có đau khổ... chánh đạo... pháp vô tránh.

341. Tại đây, này các Tỷ-kheo, chấp trước địa phương ngữ và đi quá xa ngôn ngữ thường dùng, pháp này là pháp có đau khổ... thuộc tà đạo... pháp hữu tránh. Tại đây, này các Tỷ-kheo, không chấp trước địa phương ngữ và không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng, pháp này là pháp không có đau khổ... thuộc chánh đạo... pháp vô tránh.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông phải tự tu học như sau: “Chúng ta sẽ biết hữu tránh pháp và chúng ta sẽ biết vô tránh pháp. Sau khi biết hữu tránh pháp và sau khi biết vô tránh pháp, chúng ta sẽ hành trì vô tránh đạo.”

Và này các Tỷ-kheo, thiện gia nam tử Subhūti (Tu-bồ-đề) đã hành trì vô tránh pháp.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.